

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-PT
Ngày: 22-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt; Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo N.H.A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2021/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **N.H.A** (H), sinh năm 1981 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp HA, xã NH, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.B.N và bà N.T.N; vợ: N.T.M.T; có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự số 57/2001/HSST ngày 06/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã tuyên phạt bị cáo 12 tháng tù về “Tội trốn khỏi nơi giam” và tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ sáng, ngày 28/01/2021, N.H.A điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx đi uống rượu về ngang qua quán ăn G, do D.Q.H làm chủ, thuộc ấp QHĐ, xã QS, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thì N.H.A dựng xe mô tô bên hông của quán, rồi ra phía sau quán đi vệ sinh. Lúc này N.H.A nhìn vào bên trong quán thấy N.V.H là nhân viên của quán ăn G nằm ngủ, kế bên có điện thoại đang sạc pin đèn chóp tắt, N.H.A nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại, nên lén mở cửa vào lấy

cái điện thoại rồi ra xe chạy về nhà cất giấu. Đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, anh N.V.H thức dậy phát hiện điện thoại Samsung Galaxy A11, màu xanh bị mất nên trình báo Công an. Qua xác minh Công an xã QS kiểm tra camera và mời làm việc, N.H.A thừa nhận hành vi trộm cắp điện thoại.

Vật chứng tạm giữ: 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, màu xanh; 01 xe mô tô biển số 71B3-xxx.xx nhãn hiệu Vision màu trắng.

Bản kết luận định giá trị tài sản của Hội đồng định giá huyện Châu Thành xác định: 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, màu xanh có giá trị 2.781.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Thành đã trả lại 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, màu xanh cho N.V.H; trả lại 01 xe mô tô biển số 71B3-xxx.xx nhãn hiệu Vision màu trắng cho chị N.T.M.T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo N.H.A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.H.A 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/11/2021, bị cáo N.H.A kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.H.A 04 (bốn) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo buôn bán kiếm tiền nuôi cha mẹ mất sức lao động và 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được

xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: khoảng 04 giờ 00 ngày 28/01/2021, N.H.A đã lén lút đột nhập vào quán ăn G ở ấp QHĐ, xã QS, huyện Châu Thành lấy trộm 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, màu xanh của anh N.V.H giá trị sử dụng còn lại theo định giá là 2.781.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 04 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung Đơn xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đây là tình tiết mới có ý nghĩa chứng minh nhân thân tốt của bị cáo. Thấy rằng, bị cáo được nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại đối với bị cáo; gia đình của bị cáo là gia đình chính sách, có công với đất nước, trong đó ông cố, ông ngoại, ông nội của bị cáo được Nhà nước công nhận là liệt sỹ, phong tặng danh hiệu Tổ quốc ghi công; bị cáo là lao động chính trong gia đình, làm nghề buôn bán tạo thu nhập nuôi sống cả gia đình, trong đó có 02 con nhỏ. Đối chiếu với Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định. Vì vậy kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.H.A 04 (bốn) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 22-02-2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo N.H.A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã NH, h. Cai Lậy, Tiền Giang (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn